

SỐ 2082

MINH BÁO KÝ

Thời Tiên Đường, Lại bộ thượng thư Đường Lâm soạn thuật

LỜI TỰA

Phàm, ngậm khí mà sinh không gì chẳng có thức, có thức mà có hành, tùy hành vi thiện ác mà nhận chịu quả báo đó. Như người nông phu gieo trồng, tùy sự gieo trồng ấy mà thu hoạch kết quả, đó là lý thường của vật, hẳn không gì đáng nghi. Hàng thượng trí thấu đạt cội nguồn, biết mà không thấy, hàng hạ ngu mờ tối vết tích đó, mê mờ mà chẳng trái đều hết phải nói, còn với hạng người trung lưu, chưa thể tự thấu đạt, theo duyên động thấy, theo thấy mà sinh nghi, nghi thấy có nhiều mối, mỗi tự ôm giữ chấp trước khác nhau. Kinh sách nhà Phật luận bàn phân biệt đó, có cả thấy sáu mươi hai kiến. Tà vạy trái ngược từ đó phát sinh vậy.

Đường Lâm tôi từ tuổi trung niên trở về sau may mà có tỉnh ngộ chút ít trong muôn một, nhân thấy mọi người không tin nhân quả, nói thấy tuy nhiều, đồng chỉ là thiện ác không có quả báo. Thuyết không quả báo lược có ba thứ: Một là Tự nhiên, nên không nhân quả, chỉ đang mặc tình muốn chờ đợi việc mà thôi. Hai là Diệt tận, nói chết là thân diệt hoại, Thức không chỗ nương trú, thân và thức đều mất hết, ai nhận chịu khổ vui. Vì không nhận chịu nên biết không nhân quả. Ba là không quả báo, nói thấy người hiện nay có tu đạo đức, mà nghèo khổ thì chết sớm, có kẻ làm điều hung ác, giàu sang lại sống lâu dài. Với việc như vậy, nên biết không nhân quả. Đường Lâm tôi trộm cho rằng, sách của Nho gia luận bàn quả báo thiện ác có lắm nhiều. Gần thì quả báo ngay đương thời, vừa vừa thì quả báo ngoài nhiều năm, xa thì quả báo về sau

đến con cháu. Quả báo ngay đương thời, như Sở Tử ăn nuốt đĩa, bệnh cố tật đều lành. Tống công không cầu đảo, yêu tinh phần nhiều lui tan. Náo tử hung nghịch, vọt chốc theo phục thù giết chết. Triệu Cao hoặc loạn bồng chốc diệt mất tông tộc v.v... vậy. Quả báo nhiều năm, như Ngụy Lão vọng lấy chồng cuối cùng đem tế thầy. Tôn Tịch chôn rấn cuối cùng hưởng nhiều phước, Hán Chấm Như ý thương cầu thành tai họa. Tể giết bành sinh lập heo mà sùng quý v.v... vậy. Quả báo đến đời con cháu, như Phất Phụ cung kính Vương Mạng, Quảng Tuyên Đạo của Ni, Đặng Huấn mỗi năm sửa trị ngàn người để lại vui mừng của Hòa Hy. Trần Bình ngâm tẩm, tự biết không người nối dõi, Loan Yếm xa xỉ, đủ đầy bị ương họa ấy v.v... đó vậy. Đến như Ngu Thuấn vì hiếu hạnh mà lên ngôi, Chu Văn vì nhân hiền mà thọ mạng, Trụ Kiệt vì tàn nhẫn mà mất nước, U Lệ vì dâm dật phóng túng mà họa chung, công đức ba đời kéo vận lâu dài xuống dưới, Tần Hoàng kiêu ngạo hung bạo đến đời con bèn diệt mất, với lệ như vậy, cùng loại thật lắm nhiều, tuy là lớn nhỏ có khác nhau, nhưng cũng đều ứng nghiệm của thiện ác, chỉ việc phép vua, đạo lý liên quan thiên mạng, trong khoảng thường đàm, chẳng phải chỗ nên nói: Nay ghi lục đây lấy ngày ứng nghiệm nhỏ nhiệm, mong dùng phát khởi đồng loại, để lại báo cùng cháu con, răn dè giữa khoảng cách của người và quỷ, chỉ như vậy thôi.

Dòng họ Thích giảng nói giáo pháp, không gì chẳng là nhân quả. Nhân tức là tạo tác, quả tức là nhận chịu, không một pháp nào chẳng phải nhân, không một nhân nào chẳng quả báo. Nhưng thuyết quả báo ấy cũng có ba thứ: Một là Hiện báo: Tức ngay trong thân này tạo nghiệp thiện ác thì ngay thân này nhận chịu quả báo, đều gọi đó là Hiện báo. Hai là Sinh báo: Nghĩa là thân này tạo nghiệp, chẳng tự thân này nhận chịu quả báo, mà theo nghiệp thiện ác, sinh trong các đường, đều gọi là sinh báo. Ba là hậu báo: Nghĩa là thân trong đời quá khứ tạo nghiệp thiện ác hay được quả báo phải qua nhiều thân nhận chịu. Vì vậy hiện tại tạo nghiệp, chưa liền nhận chịu quả báo, hoặc đời kế tiếp hay đời sau nữa sinh ra nhận chịu, hoặc năm đời hoặc mười đời, mới bắt đầu nhận chịu. Đó đều gọi là hậu báo. Trong ba quả báo ấy nhiếp hết thấy pháp không gì chẳng hết. Các điều thấy như hiện nay lại là đại ngộ, nhưng các hàng tục sĩ nay còn có mê hoặc đó, phần nhiều tập nhân mà quên quả, nghi ngờ tai mà quên mất, do đó nghe nói hậu báo thì như còn như mất, thấy có hiệu nghiệm thì kinh thán tin phục. Xưa kia, Cao sĩ Tạ Phu ở thời nhà Tấn, Thượng thư lệnh Phó Cao, Thái tử trung thư xá nhân Báo Diễn ở thời nhà Tống, Tư đồ sự trung lang lục quả ở thời nhà Tề.

Hoặc là lệnh vọng một thời, hoặc là danh gia ở đương thời, đều ghi lục “Quán Âm Ứng Nghiệm Ký” và Tề Cảnh Lăng Vương Tiêu Tử Lương làm “Tuyên Nghiệm Ký”, Vương Viêm làm “Minh Tường Ký”, đều vì nêu rõ thiện ác, khuyên răn tương lai, thật khiến người nghe thâm tâm cảm ngộ.

Đường Lâm Tôi đã kính mộ Phong hóa yếu chỉ đó, lại nghĩ dùng khuyên người, liền biên ghi mọi sự thấy nghe nhóm tập thành văn ký này, nhưng trình bày đủ điều nhận chịu và nguyên do thấy nghe, lời không chải chuốt, việc chuyên nêu xác thực, ngõ hầu người sau trông thấy có thể lưu tâm để ý vậy.

MINH BÁO KÝ

QUYỂN THƯỢNG

1. Sa-môn Thích Tín Hạnh ở thời nhà Tùy.

Đại đức Sa-môn Thích Tín Hạnh ở Kinh đô thời nhà Tùy, vốn là Tăng chúng ở chùa Pháp tạng tại Tương châu. Mới đầu mẫu thân không có con, qua thời gian lâu dài rất lo buồn, có vị Sa-môn đi ngang qua nhà khuyên nên xưng niệm Bồ-tát Quán Thế Âm. Từ đó, mẫu thân suốt đêm ngày cầu niệm, qua thời gian bèn có thai, sinh ra Tín Hạnh.

Thuở nhỏ, Sa-môn Tín Hạnh đã thông minh mẫn tuệ, học rành các kinh luận, nhận biết vượt quá người, lấy làm theo kinh Phật giảng nói chuyên việc tế độ, hoặc theo căn tánh, chỉ người bày đạo, hoặc theo thời nghi, nhân việc mà phán pháp, cho rằng đời nay cách Thánh đã lâu xa, căn tánh và thời cơ cũng khác, nếu đem hạng người thấp kém tu hành thượng pháp, pháp không xứng hợp căn tánh, dung chứa có thể thành sai trái, mới sao tập các kinh, tham tằm xét nghiệm nhân pháp thích đáng với người học, làm thành ba mươi sáu quyển, đề tên là “Nhân Tập Lục”.

Khoảng đầu niên hiệu Khai Hoàng (581) thời nhà Tùy, Tả Bộc Xạ Tề Công nghe tiếng tăm vang vọng của Sa-môn Tín Hạnh, tấu trình cùng vua Văn Đế (Dương Kiên 581-605), đề cử thỉnh mời vào kinh đô ở chùa Chân Tịch do Tề Công tạo dựng, Sa-môn Tín Hạnh lại y cứ kinh luật, biên soạn bộ “Tam Giai Lục” bốn quyển, ý chỉ đại khái trong đó là khuyên người cung kính khắp cùng, nhẫn chịu gốc ác, quán Phật tánh, tùy theo bệnh trao thuốc, đốn giáo Nhất thừa. Từ đó trong thiên hạ các bậc sĩ tinh tấn đồng mãnh đều lấy làm tông chỉ. Sa-môn Tín Hạnh thường tu hạnh Đầu đà chuyên hành khát thực, mỗi ngày sáu thời lễ bái, dốc sức tịnh tâm, hình không trí thật mà thôi. Mỗi lúc tọa thiền giảng pháp thường thấy có mười Đồng tử mặc áo xanh nắm hoa đứng đầu. Thường cùng đồ chúng tọa thiền trong giảng đường. Đại chúng chợt nghe có mùi hương kỳ đặc, ánh sáng khác lạ soi chiếu trong giảng đường, bèn cùng nhau lấy làm quái lạ nên thưa hỏi: Sa-môn Tín Hạnh bảo nên hỏi đệ tử mình là Sa-môn Tăng Ung, Huệ Như. Sa-môn Tăng

Ung đáp: “Vừa thấy có hóa Phật từ giữa hư không lại đến trước Thiền sư xoa đánh và thọ ký”. Sa-môn Huệ Như bảo: “Cũng thấy có xoa đánh đầu Tăng Ung và thọ ký”, ngoài ra, các tướng trạng khác đều đồng như Sa-môn Tăng Ung nói.

Về sau, Sa-môn Tăng Ung cùng đồ chúng của mình đến ẩn cư tại núi Thái bạch. Một sáng sớm nọ, bảo cùng chúng Tăng rằng: “Các ông hãy cùng thầy đồng trở về Kinh đô”. Đại chúng tôn kính, đều cùng đi theo. Bèn liền xuống núi, đêm nghỉ lại tại Võ Công, đến lúc chưa sáng bèn lại lên đường, mà bảo cùng Tăng chúng rằng: “Thầy trò chúng ta gắng dốc sức, tối nay hẳn phải vào được trong thành”. Chiều tối hôm đó, vừa đến vị Thượng, nghe tiếng trống gióng, Sa-môn Tăng Ung than rằng: “Cửa thành đã đóng vậy!” Bèn dừng nghỉ nơi quán trọ. Đến lúc tối trời, buồn khóc bảo rằng: “Không còn được kịp nữa!” Tăng chúng hỏi lý do gì thì không đáp. Sáng sớm vào thành, đến chùa Chân tịch, thì Sa-môn Tín Hạnh đã thị tịch đầu đêm qua lúc trời xẩm tối. Tăng chúng trong chùa lấy làm quái lạ sao Sa-môn Tăng Ung biết mà đến. Sa-môn Tăng Ung đáp: “Ở trên núi xa thấy có nhiều người mang cầm hương hoa phan lọng từ phía Tây đi đến vào cửa Khai viễn, hương vào chùa Chân tịch, nghi Thiền sư muốn ra đi, nên trở về. Hôm qua lúc trời xẩm tối, thấy Thiền sư dẫn theo đi về hướng Tây, xoay mặt lại cùng giả biệt, nên biết là không kịp vậy”.

Mới đầu, chư Sư ở Kinh đô, có người nghi ngờ pháp của Sa-môn Tín Hạnh đến lúc đó mới cùng nhau bàn nghị, căn cứ theo kinh Tạng Phó Pháp, nếu người thông thân, là do quá khứ đã từng nghe chánh pháp vậy. Khi ấy cùng nhau dò thăm trên đánh dấu cốt, hai tai của Sa-môn Tín Hạnh đều chánh thông mới cùng nhau hối hận tin phục!

Mới đầu, Sa-môn Tín Hạnh theo chúng ở năm chùa tại Kinh đô, sau tuy lớn rộng, nay vẫn còn xưng gọi là “Ngũ (05) Thiền sư”. (Theo các Lão Tăng và cậu của Đường Lâm tôi kể nói như vậy).

2. Sa-môn Thích Tuệ Như ở chùa Chân tịch.

Sa-môn Thích Tuệ Như ở chùa Chân tịch tại Kinh đô. Thuở thiếu thời tinh cần khổ hạnh theo phụng thờ Sa-môn Tín Hạnh. Sau khi Sa-môn Tín Hạnh thị tịch, Sa-môn Tuệ Như bèn tuân theo pháp đó.

Trong khoảng niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) thời nhà Tùy, nhân tọa thiền tu định, bèn qua bảy ngày không lay động. Đại chúng đều tán thán thật khác lạ, cho rằng đang nhập Tam-muội. Thế rồi Tuệ Như mở mắt buồn khóc lệ trào hoen my. Tăng chúng lấy làm quái lạ

mà hỏi đó, Tuệ Như đáp: “Lửa đốt cháy cẳng chân đau nhức. Đến lúc nhìn vết thương xong mới nói. Đại chúng lại càng quái lạ mà hỏi. Tuệ Như đáp: “Bị vua Diêm-ma thỉnh mời hành đạo bảy ngày xong. vua Diêm-ma hỏi: “Muốn thấy biết Tiên vong tri thức chăng? Tuệ Như tôi đáp: “Muốn thấy gặp hai người”. vua Diêm-ma liền sai gọi một người, chỉ thấy một con rùa đến liếm nơi chân, trong khốe mắt ứa lệ rồi bỏ đi. Lại bảo gọi một người khác, thì bảo người đó tội nặng không thể gọi đến được nên khiến đến đó để thấy, Sư giả dẫn Tuệ Như tôi đến nơi cửa ngục, cửa đóng rất chặt. Kẻ sứ gọi người giữ cửa, liền có người ứng tiếng đáp. Kẻ sứ bảo Tuệ Như tôi: “Sư nên gấp lánh đường chớ đứng ngay cửa”. Tuệ Như tôi vừa mới lánh, cảnh cửa bật mở, có lửa lớn dữ từ cửa tuông trào ra như một sao xẹt của sắt rền tới dính cẳng chân, Tuệ Như tôi đưa chân phui bỏ, ngửa mắt trông nhìn cửa, thì cánh cửa đã đóng bít lại, trọn không được cùng thấy gặp. vua Diêm-ma có cúng thí ba mươi xấp lụa quyên. Tuệ Như tôi cố từ, mà vua Diêm-ma không chịu bảo là đã sai người đưa đến sau phòng. Nghe vậy chúng Tăng tranh nhau đến sau phòng trông xem thì có lụa quyên đang nằm trên sàn giường vậy. Vết thương lửa đốt nơi cẳng chân Tuệ Như lớn như Đồng tiền, qua hơn trăm ngày mới lành. Đến khoảng đầu niên hiệu Võ Đức (618) thời Tiên Đường, Sa-môn Tuệ Như thị tịch, chùa Chân tịch chính là chùa Hóa độ ngày nay vậy. (Chùa đó do Tề Công tức ông ngoại của Đường Lâm tôi tạo lập. Tôi thường đến đó tham quan, được nghe người cậu kể lại như vậy).

3. Sa-môn Thích Tăng Triệt ở Ráng châu.

Sa-môn Thích Tăng Triệt ở Ráng châu. Thuở thiếu thời đã siêng năng tinh luyện, đến Tây A-cô-sơn tạo lập phòng thất, trong nhiều cây rừng, rất được hình thắng ở núi. Tăng Triệt thường vân du giữa khoảng núi. Đến trong một hang đất thấy một người mắc bệnh hủi vết thương dơ bẩn hôi hám, theo Tăng Triệt xin ăn, Tăng Triệt gọi ra dẫn cùng đi về ở bên cạnh tinh xá, vì tạo cho hang đất để ở cấp cho thức ăn áo mặc, dạy bảo trì tụng kinh Pháp Hoa, nhưng đó lại không biết chữ, tánh lại ám độn, Tăng Triệt phải dạy cho từng câu một rất tốn hao công sức nhưng trọn không tỏ vẻ nhọc mệt. Người đó học tụng được nửa bộ kinh, bèn mộng thấy có người chỉ dạy cho, từ đó về sau hơi dần thông ngộ, học tụng đến năm -sáu quyển, các vết thương cảm thấy lành dần, học tụng xong trọn bộ thì lông mày mọc lại bình thường, da dẻ hình thể trở lại như cũ, mà lại hay vì trị bệnh cho người. Đường Lâm tôi thường mắc

bệnh sưng thũng. Tăng Triệt sai người đó trì cấm chú có ứng nghiệm, tự nói đúng vậy. Về sau, Phòng nhân dụ làm Tần châu thứ sử, dâng biểu văn trình bày nói Tăng Triệt lập tinh xá làm thành chùa Hãm tuyền. Mới đầu chỗ đất đó không có nước, Tăng Triệt phải xa xuống dưới núi mức nước để tự sử dụng, một sáng nọ bỗng có một chỗ đất hỏm xuống, nơi hỏm đó có dòng suối tuôn chảy, nhân đó mà gọi tên là chùa Hãm tuyền. Tăng Triệt chuyên làm việc khuyến thiện và sự tu Thiền định, mọi người xa gần đều sùng kính như cha mình.

Đến tháng giêng năm Vĩnh Huy thứ hai (651) thời Tiền Đường, bỗng nhiên Tăng Triệt dần dò đồ chúng, tự nói là sắp chết. Thế rồi ngồi đơan nghiêm nơi thangka sàn nhắm mắt không lay động. Ngày đó khí trời trong sáng và mưa hoa như tuyết có mùi hương thơm chẳng tan trong khoảng hai dặm vuông trên lá cây đều có sắc trắng như lớp phấn mỏng, suốt ba ngày mới trở lại sắc màu như thường. Và Tăng Triệt đã thị tịch, đến nay qua ba năm mà vẫn riêng ngồi như cũ, cũng không hôi thối rã hoại chỉ nước mắt hơi rỏ xuống. (Đệ tử của Tăng Triệt là Bảo Thái v.v... và người ở châu quận đó đều nói như vậy).

4. Cô Ni luyện hạnh ở Hà đông.

Tại Hà đông có Cô Ni luyện hạnh thường trì tụng kinh Pháp Hoa, phỏng tìm một người khéo viết chữ trả giá gấp bội, đặc biệt làm một tịnh thất, nhờ biên tả kinh đó, mỗi lần dậy một lần tắm rửa, đốt hương xông ướp y phục, và nơi phòng thất biên tả kinh đục xuyên tường một lỗ thông ra ngoài cắm vào một ống trúc, khiến người biên tả kinh mỗi lúc muốn ra hơi thì ngậm vào ống trúc đó nhả hơi ra ngoài vách tường, biên tả một bộ kinh bảy quyển mất tám năm mới hoàn tất, dốc hết tâm chí kính, cúng dường rất nghiêm trọng. Có Sa-môn Pháp Đao ở Long môn thường nhóm tập đại chúng giảng kinh Pháp Hoa, vì bản kinh của Cô Ni ấy rất tinh định, bèn sai người đến cầu thỉnh, Cô Ni ấy cố khước từ không cho, Sa-môn Pháp Đao trách bỏ đó, Cô Ni ấy bất đắc dĩ mới tự đưa đến trao, Sa-môn Pháp Đao v.v... mở kinh đọc xem, chỉ thấy trang giấy màu vàng trơn không có một chữ, lại mở các quyển khác đọc xem, thấy đều như vậy. Sa-môn Pháp Đao thẹn sợ liền trả lại Cô Ni ấy. Cô Ni ấy buồn khóc nhận lấy, dùng nước hương thơm tẩy rửa hộp kinh. Tắm rửa thân mình, mang đội hộp kinh trên đỉnh đầu đi nhiễu quanh tôn tượng Phật, hành đạo suốt bảy ngày đêm trọn chẳng tạm ngưng nghỉ. Thế rồi. Mở kinh ra trông xem, vẫn tự có lại y như cũ.

Năm Trinh Quán thứ hai (628) thời Tiền Đường, Sa-môn Pháp

Đoan tự kể cho Đường Lâm tôi nghe như vậy (bấy giờ có nói rõ tên Cô Ni ấy, nhưng Đường Lâm tôi quên mất, chỉ ghi nhớ sự ấy thôi vậy).

5. Sa-môn Thích Đạo Huyền ở chùa Nhân thọ.

Sa-môn Thích Đạo Huyền ở chùa Nhân thọ tại Bồ châu. Thuở thiếu thời rất thông minh, khéo ham học, được người trong châu quận kính sùng. Đạo Huyền giảng kinh Niết-bàn hơn tám mươi biến, được gọi là tinh rành thuần thực. Năm Trinh Quán thứ hai (628) thời Tiền Đường, Thôi Nghĩa Trực đến trấn nhậm Ngô hương huyện, bèn sai người thỉnh mời Đạo Huyền giảng kinh, mới đầu khai mở đề, Đạo Huyền buồn khóc bảo cùng mọi người rằng: “Cách Thánh lâu xa, lời huyền ẩn mật, điều lưu truyền của hàng Dong ngu như tôi không đủ làm mẫu mực, chỉ nên lấy tín tâm mà quy hướng, tự sẽ biết ngộ, việc giảng thuyết nay đây chỉ dừng ở phẩm “Sư Tử”, thời gian đã thúc giục mong mỗi tự giữ tâm mình”. Thế rồi lần lượt giảng đến phẩm “Sư Tử”. Một sáng nọ, không bệnh tật gì mà Đạo Huyền thị tịch. Các hàng Đạo tục đều kinh ngạc thương khóc, Thôi Nghĩa Trực tự thân đi chân đất tiến đưa về phía Bắc Sơn nam, bấy giờ đang tháng mười một, đất lạnh đóng băng, tôn trí nhục thân Đạo Huyền xuống nơi đất, đất liền mọc hoa tự hoa sen mà nhỏ, trên đầu và nơi tay chân mỗi nơi đều có một hoa. Thôi Nghĩa Trực lấy làm kỳ lạ bảo người canh giữ ban đêm, người canh giữ nhọc mệt ngủ quên, có người trộm lén bẻ cành hoa nơi đầu. Đến sáng sớm trông xem lại thì khắp thân mình đều có hoa mọc, tổng cộng có hơn năm trăm cành, qua bảy ngày mới héo khô. (Thôi Nghĩa Trực và các hàng đạo tục đều nói như vậy).

6. Sa-môn Thích Đạo Anh ở Hà đông.

Sa-môn Thích Đạo Anh ở Hà đông, thuở thiếu thời tu tập Thiền hạnh, lấy luyện tâm làm gốc, chẳng thận trọng oai nghi, nhưng đối với ái nghĩa kinh luật không gì chẳng một lần nghe qua liền hiểu. Các hàng Tăng Ni xa gần đua nhau đến thỉnh hỏi phán quyết. Đạo Anh đều liền bảo họ rằng: “Các người còn chưa nghĩ, nên tạm tư duy điều nghi lắng ngưng thành, sau đó sẽ đến hỏi”. Các người đến hỏi trở về tư duy điều nghi nhiều. Có người cố tư duy giải mà chẳng dứt, có người tư duy mà chẳng ngộ, bèn trở lại thưa hỏi. Đạo Anh vì họ mà giảng nói cơ yếu, mọi người đều mừng vui tỏ ngộ trở về. Đạo Anh từng cùng nhiều người đi thuyền qua Hoàng hà, giữa dòng thuyền chìm mọi người đều chết. Các hàng đạo tục trong thấy Đạo Anh chìm mất, đến nơi bờ sông thương

khóc. Bấy giờ cuối mùa Đông, sông đóng băng sắp tan lở, hai bên bờ đang còn cứng chắc. Đạo Anh mới từ trong nước đi ra đến bờ, xuyên qua băng mà đi. Mọi người trên bờ vừa kính vừa mừng đua nhau tự cởi áo mình muốn mặc cho Đạo Anh. Đạo Anh bảo: “Trong thân thể còn nóng, chớ đắp mặc thêm áo”. Thế rồi từ từ bước trở về, trọn không tỏ vẻ lạnh buốt, nhìn trên thân thể như nơi có đặt than lửa. Có người nhận biết, cho rằng Đạo Anh nhập định nên vậy. Hoặc có lúc Đạo Anh làm người chăn trâu, cưỡi xe, ăn dùng rau tỏi, hoặc mặc y phục người thế tục, để tóc dài vài tấc. Đạo Anh từng đến nơi chùa Nhân thọ. Sa-môn Đạo Anh cung kính xếp đặt nghỉ ở. Chiều tối, Đạo Anh đòi ăn. Sa-môn Đạo Anh nói: “Thượng đức không tương ăn, há chẳng vì dứt nghĩ dèm phá chứ?” Đạo Anh cười đáp: “Huyền Công tâm mới rong ruỗi chẳng tạm ngưng nghỉ chốc lát, mà không đói khát, sao tự khổ vậy?” Sa-môn Đạo Huyền rất thán phục. Đạo Anh thị tịch trong khoảng niên hiệu Trinh Quán (627-650) thời Tiền Đường (Sa-môn Pháp Đoan cùng các hàng Đạo tục đồng nói như vậy).

7. Sa-môn Trí Uyển ở U châu.

Sa-môn Thích Trí Uyển ở U châu là người tinh luyện, rất có học thức. Trong khoảng niên hiệu Đại Nghiệp (605-617) thời nhà Tùy, phát tâm tạo Tạng kinh bằng đá, để phòng bị pháp diệt. Thế rồi đến Bắc sơn ở U châu, đục hang làm thạch thất, mài gọt bốn phía vách tường để khắc tả kinh, lại dùng tảng đá vuông khác, gọt mài khắc tả cất chứa trong các thất, mỗi một thất chứa đầy thì dùng đá đóng bít cửa, dùng sắt khóa chặt. Bấy giờ vua Dương Đế (Dương Quảng 605-617) thời nhà Tùy đến Trác quận, có Nội sử thị lang Tiêu Võ là em cùng mẹ với Hoàng hậu, tâm tánh rất sùng tín Phật pháp, đem việc đó mách cùng Hoàng hậu. Hoàng hậu cúng thí ngàn xấp lụa quyên và các tiền vật khác để hỗ trợ hoàn thành Phật sự đó. Tiêu Võ cũng cúng thí năm trăm xấp lụa quyên. Khắp cả triều đình cho đến thôn dã đều được nghe biết, nên tranh nhau cùng chung cúng thí nên Trí Uyển được toại công việc đó.

Trí Uyển thường vì thợ làm đá đông nhiều, các hàng Đạo tục lại luôn tìm đến, nên muốn ngay trước hang tạo một điện Phật bằng cây gỗ, cùng các thứ trai đường, phòng ngủ, mà nghĩ tính ngoái gỗ khó có để làm, sợ tổn hao kinh phí mọi vật nên chưa thể khởi công làm. Một đêm nọ bỗng nhiên mưa gió bão bùng, sấm sét nổ dùng cả núi rừng, sáng sớm đã tạnh mới thấy dưới núi có vài ngàn gốc cây tùng bách lớn bị nước trôi dạt đến sắp cặp theo đường. Tại Sơn đông ít cây gỗ rừng,

tùng bách lại càng hiểm có, các hàng đạo tục rất kinh ngạc không biết từ xứ nào đưa lại, tìm theo dấu vết xa đến từ Sơn tây, bờ sườn vỡ đổ, cây cối gãy ngã trôi nổi đưa đến. Từ đó, mọi người xa gần đến thán phục, cho là do Thần hỗ trợ. Trí Uyển mới sai thợ chọn lấy cây gỗ đó, còn thừa đều phân giao cho trong thôn ấp, mọi người trong thôn ấp đều rất mừng vui, và cùng giúp tạo dựng nhà cửa, chỉ khoảng thời gian ngắn bèn hoàn thành, đều như chí nguyện đó. Trí Uyển tạo tạc kinh chất chứa đầy được bảy thất.

Đến năm Trinh Quán thứ mười ba (639) thời Tiền Đường, Trí Uyển thị tịch, các đệ tử còn nối tiếp công việc đó. (Điện trung thừa tướng Lý Huyền Tráng, Đại Lý Thừa Thái Tuyên Minh v.v... đều nói với Đường Lâm tôi như vậy. Năm Trinh Quán thứ mười chín (645) thời Tiền Đường, Đường Lâm tôi theo xa giá đến U châu, hỏi người trong thôn ấp cũng đồng nói như vậy, nhưng vì quân sự, chẳng được tận mắt đến trông thấy).

8. Người bị hang lấp vùi ở thời Đông Ngụy.

Khoảng cuối thời Đông Ngụy (534-550) tại Nghiệp Hạ có một số người cùng vào Tây sơn lượm nhặt bạc đồng, khi trở ra hang chưa hết mà miệng hang sập, có một người còn sau, bị đá bít cửa hang, ra không được nhưng chẳng bị thương tổn gì. Nơi chỗ hang sập đó có một hang nhỏ chẳng kín lấp hơi thấy được ánh sáng mặt trời. Người ấy nghĩ suy trọn không còn phương cách ra khỏi, mới nhất tâm niệm Phật. Người cha nghe con đã bị hang sập bít lấp, không biết đâu để kiếm thấy xác, lại thêm cảnh nhà nghèo túng, không có gì để tu tạo cầu phước, mới dùng một bát thô mang đến chùa chư Tăng cầu thỉnh một vị chứng trai. Chúng Tăng phần nhiều theo sự nông hậu, chẳng ai chịu thọ nhận, người cha đó bưng bát cơm mà khóc lớn, khi ấy có vị Tăng xót thương, bèn thọ nhận, ăn xong, vì chú nguyện cho người con ấy. Ngày đó, người con ấy ở trong hang bỗng từ nơi lỗ hổng nhỏ có ánh sáng đó thấy có một vị Sa-môn từ trong hang đi lại mang theo bát cơm mà trao cho, người ấy ăn xong bèn hết đói khát, chỉ đoan tọa nghiêm giữ chánh niệm. Trải qua hơn mười năm đến lúc vua Văn Đế (Cao Dương) thời Bắc Tề lên ngôi (550), đến Tây sơn tạo dựng cung điện mát mẻ, các người thợ phá dẹp hang đá đó mới thấy trong hang có người còn sống, bèn đem ra cùng đưa về nhà, song thân người ấy rất vui mừng, cả nhà chung luyện hạnh. (Tư Mã Lô thừa nghiệp ở Ung châu kể cho Đường Lâm tôi như vậy và do từ Đặng Giáng lưu truyền đó).

9. Kể đày tớ ở Ký châu.

Trong thời Bắc Tề, có người ở Ký châu theo quân lính đánh nhà Lương chiến bại nên bị bắt làm đày tớ. Song thân ở tại quê nhà không nghe tin tức, cho là đã chết, mới vì tu phước, tạo ngôi Phù đồ thanh tịnh, khi đã hoàn thành thì thiết lập trai hội cúng dường, các hàng Tăng tục cùng dự tham có vài trăm vị. Vừa mới ngồi thọ trai, nghe có tiếng gõ cửa, người cha là chủ nhà ra trông xem, thấy có một vị Tăng hình tướng rất cao nhã, nói cùng chủ nhà rằng: “Cho xin ít cháo rau gói bọc trong khăn tay, và cho xin một đôi dép”. Người chủ mời ở lại cùng thọ trai vị Tăng ấy không chịu nói: “Cần đi sớm gấp”. Người chủ bèn thuận theo dùng vải mới bọc đựng cháo và đưa ra đôi dép dâng tặng. Vị Tăng ấy nhận rồi bèn đi ngay đó ngay lúc tại nhà thiết trai hội, thì con của người chủ ấy đang ở trong đầm tại Giang nam, chần trâu cho người chủ, thấy một vị Tăng trong tay xách bọc cháo và một đôi dép mới, đến nơi kể tớ ấy mà hỏi: “Có nghĩ muốn về thấy gặp cha mẹ chăng?” Kể đày tớ ấy khóc đáp: “Không dám nghĩ mong”. Vị Tăng đó trao cho bọc cháo và bảo ngồi ăn. Ăn xong lại trao cho đôi dép và bảo mang vào chân xong rồi trải chiếu y ca sa nơi đất, bảo vào ngồi trên y ca sa nơi đất, bảo vào ngồi trên y ca sa đó, và vị Tăng nắm bốn góc y túm đất lên mà xoay, chuyển dời cách khoảng hai trượng xong, đặt để lại nơi đất. Kể đày tớ ấy mở mắt ra trông xem, không thấy vị Tăng đó và chiếc y ca sa đâu nữa, mà thân mình đã ở tại ngoài cửa vườn nhà, bước vào thấy mọi người đang thọ thực, song thân rất mừng vui ra hỏi. Kể đày tớ ấy kể lại nhân duyên, trông nhìn trong khăn còn ít cháo thừa và đôi dép mới mang ở chân, mới hướng đến trong chúng Tăng kính lễ, mọi người cả thôn ấp đều kinh ngạc, cùng nhau kính tin. Ngày đó là ngày mồng sáu, nên đặt gọi ngôi Phù đồ thanh tịnh đó là “Phù đồ mồng sáu”. Ngôi Phù đồ đó đến nay vẫn hiện còn. Mọi người trong thôn ấp còn lưu truyền việc ấy vậy.

10. Kể Hàn sĩ ở thời Nam Lương.

Thuở thiếu thời, vua Võ Đế (Tiêu Diễn) thời Nam Lương, có biết một kẻ hàn sĩ. Đến lúc lên ngôi (502-550), vân du nơi vườn uyển lại thấy kẻ Hàn sĩ ấy kéo thuyền vua Võ Đế mới hỏi: “Còn nghèo hèn như xưa vậy ư?” và ban sắc: “Ngày mai có thể đến báii yết, ta sẽ cho ông làm huyện lệnh”. Người ấy vâng lời mà đến, gặp lúc có việc nên không thấy gặp được. Kể Hàn sĩ ấy từng đến nhiều lần nhưng đều bận việc trọn không được gặp vua, mới tự lấy làm quái lạ đem hỏi cùng Sa-môn Bảo Chí.

Khi ấy Sa-môn Bảo Chí đang vì mọi người mà giảng kinh. Thính chúng có vài ngàn vị, kẻ hàn sĩ ấy không tiến tới được. Sa-môn Bảo Chí bảo đại chúng rằng: “Có người muốn đến ra mắt thưa hỏi điều gì, hãy mở lối cho vào”. Mọi người mới vì lánh đường. Kẻ Hàn sĩ ấy tiến tới chưa đến nơi, Sa-môn Bảo Chí đón mà bảo rằng: “Ông vì không được làm huyện lệnh nên đến hỏi phải chăng? Thật trọn không thể được, chỉ nhận ân ban trống rỗng mà thôi, bởi trong thời quá khứ, vua làm một trai chủ cúng dường, trong lời sớ ông hứa cúng năm trăm tiền mà trọn chẳng dâng cúng, cho nên ngày nay chỉ được hứa cho làm quan, nhưng trọn không được làm quan”, kẻ Hàn sĩ ấy nghe vậy bèn ra đi, vua Võ đế cũng chẳng kiểm tầm (các hàng Tăng tục ở Giang tây đến nay còn lưu truyền việc đó).

11. Nghiêm cung ở Dương châu.

Nghiêm Cung ở Dương châu, vốn người xứ Tuyên châu, gia đình rất giàu có của cải mà không có anh em nên cha mẹ rất mến quý Nghiêm Cung, nói gì đều được, không bao giờ trái ý, khoảng đầu niên hiệu Thái kiến (569) thời nhà Trần, Nghiêm Cung vừa tuổi hai mươi, xin cha mẹ năm vạn tiền đến Dương châu mua vật. Song thân chấp thuận cho. Nghiêm cung theo thuyền mang tiền đi xuống, cách Dương châu khoảng vài mươi dặm, gặp một thuyền chở rùa đem đến chợ bán. Nghiêm cùng dò hỏi, biết được nguyên do, nghĩ rùa trong thuyền hẳn sẽ bị chết, nên xin mua chuộc đó, người chủ rùa bảo: “Rùa của tôi rất lớn, mỗi con phải một ngàn mới bán”. Nghiêm cung hỏi: “Có cả thầy là bao nhiêu con?” chủ rùa đáp: “Ta có năm mươi con”. Nghiêm Cung nói: “Tôi hiện có năm vạn tiền, xin dùng mua chuộc đó”. Người chủ rùa vui vẻ nhận lấy tiền, giao rùa cho Nghiêm Cung rồi đi, Nghiêm Cung đem tất cả rùa thả xuống sông, rồi đi thuyền không đến Dương châu. Người chủ rùa giả biệt Nghiêm Cung đi cách hơn mười dặm, thuyền bị đắm chìm mà chết. Ngày đó, cha mẹ của Nghiêm Cung ở tại nhà, vừa lúc trời xẩm tối, có năm mươi người khách mặc áo đen đến gõ cửa nhà xin nghỉ lại qua đêm, và đưa năm vạn tiền trao cho cha Nghiêm Cung mà nói: “Con của ông hiện ở chợ Dương châu, nhờ mang tiền này về, xin y theo số mà nhận lấy”. Cha của Nghiêm Cung kinh ngạc cho rằng Nghiêm Cung bị chết, nhân đó dò hỏi. Người khách đáp: “Con của ông bình an không sao cả, chỉ không cần tiền nên gửi mang trở về. Cha của Nghiêm Cung bèn nhận lấy, nhớ rõ vốn số tiền đó do mình giao nhưng đều bị nước ướt, để khách nghỉ lại và vì dạn

mời ăn tối. Ở lại qua đêm, đến sáng sớm, đoàn khách giả từ ra đi. Qua hơn tháng sau, Nghiêm Cung trở về, song thân rất vui mừng, thế rồi hỏi nguyên do gọi tiền về. Nghiêm Cung đáp: “Đâu có việc đó”. Song thân bèn kể lại hình trạng các người khách và ngày tháng mang tiền về. Đúng là ngày Nghiêm Cung mua chuộc rùa, cha con cùng nhau kinh ngạc tán thán. Nhân đó cùng đến Dương châu tạo dựng tinh xá, chuyên việc biên tả kinh Pháp Hoa, bèn chuyển dời nhà đến đó ở, gia đình ngày càng giàu có, mới mở rộng phòng nhà biên tả kinh, trang nghiêm thanh tịnh, cung cấp rất nồng hậu, thư sinh biên tả kinh thường có khoảng vài mươi người, các hàng đạo tục ở Dương châu thấy đều sùng kính, xưng gọi là “Nghiêm Pháp Hoa”. Từng có người thân quen đến vay mượn một vạn tiền biên tả kinh, Nghiêm Cung bất đắc dĩ mà cho vay mượn. Người vay mượn nhận tiền dùng thuyền mang chở đi, giữa đường, thuyền lật nghiêng đổ, tiền rơi vào nước mà người thuyền không chìm đắm. Ngày đó, Nghiêm Cung vào trong kho tiền, thấy có vạn tiền bị thấm ướt như vừa mới lấy từ nước ra, Nghiêm Cung rất lấy làm quái lạ, sau đó gặp thấy người vay mượn tiền trước kia, mới biết tiền ướt đó là tiền cho vay mượn. Lại có một thương nhân đến nơi Đình Hồ chỗ thờ thần cúng tế rượu thức ăn và dâng các vật. Đêm đó mộng thấy thần đưa vật trả lại và bảo: “Nhờ ông vì tôi mang vật này đến dâng biểu Nghiêm Pháp Hoa để cúng dường vào việc biên tả kinh”. Vả lại các vật dâng cúng thần đều hiện có trước mặt”. Thương nhân ấy kinh lạ tán thán, bèn đưa đến nơi Nghiêm Cung, và cùng thí nồng hậu thêm nhiều. Sau đó, nghiêm cung đến chợ mua giấy, gặp lúc thiếu tiền, bỗng thấy một người mang ba ngàn tiền đến trao cho Nghiêm Cung và nói: “Hỗ trợ ông mua giấy biên tả kinh”. Nói xong bèn biến mất, mà tiền thì tại trước mặt Nghiêm Cung. Những việc quái lạ như vậy xảy ra không chỉ một lần.

Đến cuối niên hiệu Khai Hoàng (605) thời nhà Tùy, con cháu vẫn duy trì nối dõi nghề nghiệp đó. Đến cuối thời nhà Tùy (618), giặc đến Giang tô, đều cùng ước định với nhau chớ vào trong làng Nghiêm Pháp Hoa. Dân chúng trong làng nhờ đó mà đều được bình an hoàn toàn. Gia đình của Nghiêm Cung đến nay vẫn chuyên việc biên tả kinh không thôi nghỉ. (Mọi người ở châu áp đông thấy như vậy, các hàng nhân sĩ ở kinh đô phần nhiều đều biết việc đó, Phò mã Thứ Quốc Công Tiêu Duệ rất rõ biết việc ấy vậy).

